

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Số: 36

Ngày 16/9/2019

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN MỚI

- 1. Dự án đầu tư công nghệ thông tin cấp quốc gia được bảo hành 24 tháng.*
- 2. Người lao động tại huyện nghèo được vay đến 100% chi phí đi làm việc tại nước ngoài.*
- 3. Tăng cường công tác an ninh hàng không dân dụng trong tình hình mới.*
- 4. Xây dựng đồng bằng sông Cửu Long phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu.*
- 5. Quy trình giám định tư pháp đối với sản phẩm văn hóa.*
- 6. Cơ sở sản xuất phải lưu trữ thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm tối thiểu 12 tháng kể từ ngày hết hạn sử dụng.*
- 7. Cơ sở sản xuất phải lưu trữ thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm tối thiểu 12 tháng kể từ ngày hết hạn sử dụng.*

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Quyết định Hướng dẫn việc bàn giao, tiếp nhận vốn, tài sản và hoàn trả vốn đối với các dự án thành phần thuộc Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013-2020.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

- 1. Mức thu lệ phí đăng ký doanh nghiệp là bao nhiêu?*
- 2. Mức thu phí cung cấp thông tin doanh nghiệp là bao nhiêu?*
- 3. Những đối tượng nào được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp?*
- 4. Thời hạn kê khai, nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp là thời điểm nào?*

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CẤP QUỐC GIA ĐƯỢC BẢO HÀNH 24 THÁNG

Ngày 05/9/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định 73/2019/NĐ-CP quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin căn cứ vào mức độ quan trọng và quy mô được phân loại thành dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B và dự án nhóm C theo quy định của Luật Đầu tư công.

Theo quy định dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách Nhà nước thời hạn tối thiểu bảo hành sản phẩm của dự án được tính từ ngày chủ đầu tư ký biên bản nghiệm thu bàn giao, đưa sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án vào khai thác, sử dụng, cụ thể: thời gian bảo hành 24 tháng với sản phẩm dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A. Đối với sản phẩm của dự án nhóm B, C thời hạn bảo hành là 12 tháng. Mức tiền bảo hành tối thiểu được tính bằng tỷ lệ % giá trị sản phẩm của dự án, tương ứng 03% đối với sản phẩm có thời hạn bảo hành 24 tháng và 05% đối với dự án có thời hạn bảo hành 12 tháng.

Nhà thầu có trách nhiệm nộp thư bảo lãnh của ngân hàng có giá trị tương đương cho chủ đầu tư hoặc các hình thức khác được chủ đầu tư

chấp nhận. Nhà thầu chỉ được hoàn trả bảo lãnh sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành.

Chủ đầu tư tự thực hiện hoặc thuê các tổ chức, cá nhân lập báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin. Tổng mức đầu tư dự án thuê dịch vụ công nghệ thông tin gồm: chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn và các chi phí khác. Cơ quan, đơn vị thuê dịch vụ công nghệ thông tin xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin tập trung trong phạm vi của bộ, cơ quan trung ương, địa phương đối với các dịch vụ công nghệ thông tin có tính chất, tính năng giống nhau mà nhiều cơ quan, đơn vị trực thuộc cùng có nhu cầu sử dụng.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ 01/01/2020.

2. NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI HUYỆN NGHÈO ĐƯỢC VAY ĐẾN 100% CHI PHÍ ĐI LÀM VIỆC TẠI NƯỚC NGOÀI

Ngày 09/9/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 27/2019/QĐ-TTg về tín dụng đối với người lao động tại huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến năm 2020.

Theo đó, người lao động có hộ khẩu thường trú đủ 12 tháng trở

lên tại các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được vay tối đa 100% chi phí đóng theo hợp đồng đã ký và không phải thực hiện bảo đảm tiền vay. Mức lãi suất áp dụng cho khoản vay này đối với người lao động thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số là 50% mức lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo. Đối với người lao động khác, mức lãi suất tính bằng mức lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo.

Thời hạn cho vay không quá thời gian làm việc ghi trong hợp đồng được ký giữa người lao động với doanh nghiệp. Việc trả tiền gốc do Ngân hàng Chính sách xã hội thỏa thuận với người lao động nhưng tối đa không quá 12 tháng/lần. Hồ sơ vay vốn bao gồm: giấy đề nghị vay vốn có xác nhận của UBND cấp xã về đối tượng hưởng chính sách tín dụng; bản sao công chứng hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; bản sao công chứng hộ chiếu còn thời hạn của người lao động.

Quyết định có hiệu lực từ ngày 25/10/2019.

3. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC AN NINH HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Nhằm chủ động phòng ngừa, ngăn chặn và đối phó hiệu quả với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối cho

hoạt động hàng không dân dụng, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 30/8/2019 về tăng cường công tác an ninh hàng không dân dụng trong tình hình hiện nay. Theo đó Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành và Ban chỉ đạo phòng chống khủng bố các địa phương có cảng hàng không, sân bay triển khai thực hiện một số nội dung sau:

Bộ Công an, Bộ Quốc phòng chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ chủ động, kịp thời phối hợp với các cơ quan, đơn vị ngành hàng không để trao đổi thông tin về tình hình, âm mưu, phương thức, thủ đoạn chống phá hoạt động hàng không dân dụng; chủ động xây dựng phương án đối phó; tăng cường lực lượng, phương tiện tại khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay, công trình hàng không để sẵn sàng ứng phó khi có vụ việc xảy ra, bảo đảm hoạt động hàng không dân dụng an toàn, thông suốt; triển khai các biện pháp nghiệp vụ để kiểm tra, xác minh, phát hiện, ngăn chặn các vụ việc khai thác, sử dụng trái pháp luật thông tin về nhân thân hành khách đi máy bay tại Việt Nam...

Bộ Giao thông Vận tải chỉ đạo các cơ quan, đơn vị ngành hàng không thực hiện nghiêm túc việc tuân thủ các tiêu chuẩn, quy trình, biện pháp kiểm soát an ninh hàng không; duy trì hệ thống, thiết bị an

ninh hàng không đúng tiêu chuẩn quy định; rà soát hệ thống hàng rào an ninh hàng không theo quy định; xây dựng, trang bị, nâng cấp hệ thống phát hiện đột nhập; đẩy mạnh công tác bảo vệ an ninh nội bộ đối với nhân viên hàng không để loại trừ nguy cơ tổ chức phản động, khủng bố lợi dụng, móc nối, lôi kéo nhân viên hàng không tiếp tay hoặc trực tiếp thực hiện hành vi khủng bố, phạm tội và các hành vi vi phạm khác. Phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an, quân đội ngăn chặn các đối tượng khủng bố, hình sự có thể tấn công vào các mục tiêu hàng không dân dụng hoặc vào làm việc trong ngành hàng không.

Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố các địa phương có cảng hàng không, sân bay rà soát phương án khẩn nguy tổng thể đối phó hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, sẵn sàng đối phó hiệu quả với các tình huống can thiệp bất hợp pháp; chủ động xây dựng phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh trật tự tại địa bàn cảng hàng không, sân bay; chủ động phối hợp với cảng hàng không, sân bay trao đổi thông tin, nắm bắt tình hình để phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm an ninh hàng không và các hành vi can thiệp bất hợp pháp tại cảng hàng không, sân bay.

Chi thị này có hiệu lực thi hành từ ngày 30/8/2019.

4. XÂY DỰNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Biến đổi khí hậu ngày càng cực đoan, khó lường, tác động nhanh và mạnh hơn so với các dự báo trước đây; đồng thời, các hoạt động khai thác tài nguyên nước ở thượng nguồn và nội vùng tiếp tục gia tăng; tình trạng sụt lún đất, xâm thực biển, xói lở bờ sông, bờ biển; thiếu nước, xâm nhập mặn ngày càng nghiêm trọng, nguy cơ tác động tiêu cực đến toàn vùng. Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/9/2019 chỉ thị các bộ, ngành, cấp ủy, chính quyền các cấp địa phương trong vùng theo chức năng và nhiệm vụ được giao tiếp tục quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt Nghị quyết số 120/NQ-CP về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó tập trung triển khai thực hiện các nội dung chính sau:

Khẩn trương xây dựng thể chế điều phối vùng, tạo cơ chế phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long; đẩy mạnh vai trò liên kết vùng trong việc hoạch định các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế, đầu tư cơ sở hạ tầng, kết nối sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Trong đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương khẩn trương xây dựng tiêu chí xác định các dự án, nhiệm vụ thích ứng với

biến đổi khí hậu; khẩn trương hoàn thành các chương trình nghiên cứu, điều tra cơ bản đang triển khai tại đồng bằng sông Cửu Long, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Trung tâm tích hợp dữ liệu vùng đồng bằng sông Cửu Long. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các địa phương khẩn trương nghiên cứu, đề xuất thể chế điều phối vùng, trong đó thành lập Hội đồng điều phối vùng do một Phó Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch; trình cấp có thẩm quyền xem xét trong năm 2019.

Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan thúc đẩy phát triển các lĩnh vực năng lượng tái tạo, công nghiệp ít phát thải, hỗ trợ chế biến nông, thủy sản; ứng dụng công nghệ thông tin, phát

triển thương mại điện tử, mở rộng thị trường tiêu thụ và xuất khẩu.

Ngoài ra, Chỉ thị còn yêu cầu đẩy mạnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu dân cư; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long. Các bộ, ngành, địa phương thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông, cung cấp thông tin chính xác, kịp thời nhằm nâng cao nhận thức của người dân, cộng đồng về tác động của biến đổi khí hậu, hình thành ý thức chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; đánh giá, phổ biến nhân rộng các mô hình hiệu quả, sáng kiến thích ứng với biến đổi khí hậu.

Chỉ thị này có hiệu lực từ ngày 05/9/2019.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

5. QUY TRÌNH GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP ĐỐI VỚI SẢN PHẨM VĂN HÓA

Ngày 03/9/2019 Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư số 08/2019/TT-BVHTTDL quy định quy trình giám định tư pháp đối với sản phẩm văn hóa. Theo đó, Thông tư này quy định: sản phẩm văn hóa là sản phẩm thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định của pháp

luật; Tổ chức giám định tư pháp đối với sản phẩm văn hóa bao gồm Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...

Về quy trình giám định, người giám định tư pháp đối với sản phẩm văn hóa, tổ chức giám định tư pháp đối với sản phẩm văn hóa tiếp nhận trung cầu, yêu cầu giám định kèm theo đối tượng giám định và tài liệu,

đồ vật có liên quan để thực hiện giám định; trường hợp không đủ điều kiện giám định thì từ chối theo quy định của pháp luật. Người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp tiến hành nghiên cứu hồ sơ trung cầu, yêu cầu và các quy định cụ thể của pháp luật có liên quan để chuẩn bị thực hiện giám định tư pháp. Tổ chức giám định tư pháp căn cứ vào hồ sơ trung cầu, yêu cầu giám định để lựa chọn giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc phù hợp, phân công người chịu trách nhiệm điều phối việc thực hiện giám định tư pháp. Tổ chức giám định tư pháp tiến hành giám định tư pháp đối với đối tượng giám định bằng hình thức giám định tập thể. Số lượng người giám định tư pháp phải từ 03 người trở lên.

Người giám định tư pháp xem xét đối tượng giám định và các tài liệu liên quan để đưa ra nhận định chuyên môn về đối tượng giám định trên cơ sở xem xét tổng thể nội dung sản phẩm văn hóa, xem xét các đặc điểm về hình dáng, kích thước, màu sắc, trang trí và các đặc điểm khác có liên quan của sản phẩm văn hóa.

Căn cứ kết quả giám định tư pháp, kết quả xét nghiệm hoặc kết luận chuyên môn khác, quy định của pháp luật có liên quan hoặc các chuẩn mực chung về văn hóa, người

giám định tư pháp kết luận về đối tượng giám định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/11/2019.

6. CƠ SỞ SẢN XUẤT PHẢI LƯU TRỮ THÔNG TIN TRUY XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM THỰC PHẨM TỐI THIỂU 12 THÁNG KỂ TỪ NGÀY HẾT HẠN SỬ DỤNG

Bộ Y tế ban hành Thông tư số 25/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 quy định việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.

Theo Thông tư này quy định, cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm phải thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm không bảo đảm an toàn ngay khi tự phát hiện hoặc nhận được thông tin cảnh báo của tổ chức, cá nhân về sản phẩm thực phẩm không bảo đảm an toàn của cơ sở. Cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm phải thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm không bảo đảm an toàn khi có yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm có trách nhiệm: thiết lập hệ thống dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm, lưu giữ đầy đủ thông tin về lô sản phẩm thực phẩm, nguồn gốc, xuất xứ, an toàn sản phẩm, nguyên liệu, quy trình sản xuất, chế biến, bảo quản, kinh doanh sản phẩm thực

phẩm theo quy định; lưu trữ và duy trì hệ thống dữ liệu thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm của cơ sở trong thời gian tối thiểu là 12 tháng kể từ ngày hết hạn sử dụng của lô sản phẩm, 24 tháng kể từ ngày sản xuất lô sản phẩm đối với dụng cụ, vật liệu chứa đựng, tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm và sản phẩm thực phẩm không yêu cầu bắt buộc ghi hạn sử dụng.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 16/10/2019.

7. CÔNG DÂN CHUYỂN TỪ CHỨNG MINH NHÂN DÂN SANG THẺ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN MẤT PHÍ 30.000 ĐỒNG/THẺ

Ngày 30/8/2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 59/2019/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân.

Theo đó, Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên khi làm thủ tục đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân phải nộp lệ phí thẻ căn cước công dân theo quy định tại Thông tư này với mức thu cụ thể như sau: công dân chuyển từ Chứng minh nhân dân 9 số, Chứng minh nhân dân 12 số sang cấp thẻ Căn cước công dân: 30.000 đồng/thẻ Căn cước công dân; đổi thẻ Căn cước công dân khi bị hư hỏng không sử dụng được; thay đổi thông tin về họ, chữ đệm, tên; đặc điểm nhân dạng; xác định lại giới tính, quê quán; có sai sót về thông

tin trên thẻ; khi công dân có yêu cầu: 50.000 đồng/thẻ Căn cước công dân; cấp lại thẻ Căn cước công dân khi bị mất thẻ Căn cước công dân, được trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật quốc tịch Việt Nam: 70.000 đồng/thẻ Căn cước công dân.

Các trường hợp miễn lệ phí gồm: đổi thẻ căn cước công dân khi Nhà nước quy định thay đổi địa giới hành chính; đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân cho công dân là bố, mẹ, vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con dưới 18 tuổi của thương binh và người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; công dân thường trú tại các xã biên giới; công dân thường trú tại các huyện đảo; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; công dân thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật; đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân cho công dân dưới 18 tuổi, mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa.

Các trường hợp không phải nộp lệ phí gồm: công dân từ đủ 14 tuổi trở lên làm thủ tục cấp thẻ căn cước công dân lần đầu; đổi thẻ căn cước công dân khi có sai sót về thông tin trên thẻ căn cước công dân do lỗi của cơ quan quản lý căn cước công dân.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/10/2019.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH HƯỚNG DẪN VIỆC BÀN GIAO, TIẾP NHẬN VỐN, TÀI SẢN VÀ HOÀN TRẢ VỐN ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH CẤP ĐIỆN NÔNG THÔN, MIỀN NÚI VÀ HẢI ĐẢO GIAI ĐOẠN 2013-2020

Dự thảo Quyết định Hướng dẫn việc bàn giao, tiếp nhận vốn, tài sản và hoàn trả vốn đối với các dự án thành phần thuộc Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013-2020.

Bộ Tài chính đang đề xuất dự thảo Quyết định Hướng dẫn việc bàn giao, tiếp nhận vốn, tài sản và hoàn trả vốn đối với các dự án thành phần thuộc Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013-2020.

Dự thảo nêu rõ giá trị tài sản bàn giao và cơ cấu từng nguồn vốn đầu tư dự án cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo đã được xác định tại biên bản bàn giao và xác nhận từng nguồn vốn được xử lý theo nguyên tắc sau: đối với phần giá trị tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước, vốn khác do tổ chức, cá nhân tự nguyện đóng góp và vốn do chủ đầu tư huy động hợp pháp khác không phải hoàn trả (EVN hạch toán tăng vốn nhà nước, tăng vốn đầu tư tại các công ty con là các Tổng công ty điện lực; các Tổng công ty điện lực hạch toán tăng vốn

đầu tư của chủ sở hữu, tăng tài sản); đối với phần giá trị tài sản bàn giao được đầu tư từ nguồn vốn vay ODA, các tổ chức tín dụng, các cá nhân, tổ chức kinh tế khác và các nguồn vốn khác phải hoàn trả Bên nhận có trách nhiệm hạch toán tăng tài sản, hạch toán tăng nợ phải trả; thực hiện hoàn trả cho Bên giao số tiền vay còn nợ các tổ chức tín dụng, các cá nhân và các tổ chức kinh tế khác theo quy định trong hợp đồng vay hoặc khế ước vay (nhưng không vượt quá giá trị của tài sản bàn giao đầu tư bằng nguồn vốn vay đã xác định trong biên bản bàn giao); Bên giao hạch toán giảm giá trị tài sản bàn giao đối với giá trị tài sản hình thành từ nguồn vốn vay, đồng thời hạch toán tăng khoản nợ phải thu đối với Bên nhận. Bên giao theo dõi và thực hiện thu hồi nợ từ Bên nhận để hoàn trả cho bên vay theo hợp đồng hoặc khế ước vay. Theo đó, Bên giao là Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương hoặc các đơn vị, tổ chức được UBND tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương ủy quyền bàn giao các dự án cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo; Bên nhận là EVN, các Tổng công ty Điện lực thuộc EVN hoặc các Công ty Điện lực được các Tổng công ty Điện lực ủy quyền. Bên cạnh đó, dự thảo còn quy định về trình tự, thủ tục bàn giao, tiếp nhận vốn, tài sản và hoàn

trả vốn; xác định giá trị của tài sản giao nhận; chi phí cho hoạt động giao nhận...đối với các dự án cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo.

Đến nay, Bộ Tài chính đã hoàn thành bản dự thảo Quyết định Hướng dẫn việc bàn giao, tiếp nhận vốn, tài sản và hoàn trả vốn đối với các dự án thành phần thuộc Chương

trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013-2020 đăng tải trên website và gửi văn bản tới các bộ, ngành, địa phương có liên quan để lấy ý kiến góp ý hoàn thiện dự thảo; dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ vào cuối năm 2019.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: *Mức thu lệ phí đăng ký doanh nghiệp là bao nhiêu?*

Trả lời: Theo Điều 4, Thông tư số 47/2019/TT-BTC Bộ Tài chính ban hành ngày 05/8/2019 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp có quy định lệ phí đăng ký doanh nghiệp (cấp mới, cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp) là 50.000 đồng/lần.

2. Hỏi: *Mức thu phí cung cấp thông tin doanh nghiệp là bao nhiêu?*

Trả lời: Theo Điều 4, Thông tư số 47/2019/TT-BTC Bộ Tài chính ban hành ngày 05/8/2019 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp có quy định mức thu phí

cung cấp thông tin doanh nghiệp như sau: cung cấp thông tin Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh là 20.000 đồng/bản; cung cấp thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hoặc báo cáo tài chính các loại doanh nghiệp là 40.000 đồng/bản; cung cấp báo cáo tổng hợp về doanh nghiệp là 150.000 đồng/báo cáo; công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp là 100.000 đồng/lần; cung cấp thông tin doanh nghiệp theo tài khoản từ 125 bản/tháng trở lên là 4,5 triệu đồng/tháng.

3. Hỏi: *Những đối tượng nào được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp?*

Trả lời: Theo Điều 5, Thông tư số 47/2019/TT-BTC Bộ Tài chính ban hành ngày 05/8/2019 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin

doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp có quy định các đối tượng được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp bao gồm: doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp; doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp; cơ quan nhà nước đề nghị cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước được miễn phí cung cấp thông tin doanh nghiệp; doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu.

4. Hỏi: Thời hạn kê khai, nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp là thời điểm nào?

Trả lời: Theo Điều 6, Thông tư số 47/2019/TT-BTC Bộ Tài chính ban hành ngày 05/8/2019 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp có quy định thời hạn kê khai, nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Khobạc nhà nước. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí, lệ phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ./.